Miếu Bà Chúa xứ núi Sam là địa chỉ tâm linh nổi tiếng hàng đầu ở Nam bộ. Bên cạnh những giá trị lịch sử và nghệ thuật của pho tượng cổ, thì ngôi miếu còn là nơi thể hiện đậm nét sự giao lưu và tiếp biến một cách độc đáo trên nhiều phương diện. Bài viết này tập trung làm rõ những yếu tố văn hóa mang tính hỗn dung đó.

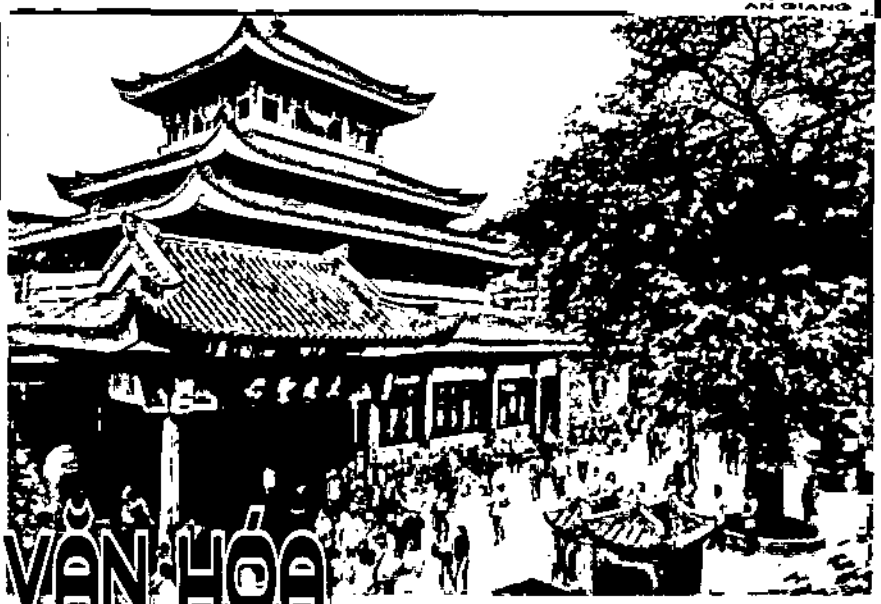

HỖN DUNG VĂN HÓA Ở MIẾU BÀ CHÚA XỨ NÚI SAM

HUỲNH LÊ

Miếu Bà Chúa xứ núi Sam - Di tích kiến trúc nghệ thuật Quốc gia, là địa chỉ tâm linh nổi tiếng ở vùng đất phương Nam. Lễ hội Vía Bà Chúa xứ núi Sam - Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia, hằng năm thu hút hàng triệu lượt khách hành hương, trở thành lễ hội lớn hàng đầu ở Nam bộ. Người dân các nơi tìm về núi Sam không chỉ để cúng viếng, cầu mong những điều tốt đẹp cho gia đình và đất nước, mà còn tham quan ngoạn cảnh, đồng thời trải lòng mình với không gian tín ngưỡng dân gian mênh mông, người dân Nam bộ đã gửi gắm tinh thần vào buổi đầu trên vùng đất mới.

Trải qua gần hai thế kỷ kể từ ngày ngôi miếu đơn sơ được dựng lên dưới chân núi Sam, nhưng đến nay ngôi miếu và pho tượng cổ vẫn gắn liền với bao điều huyền bí, hấp dẫn, được lưu truyền khắp đồng bằng qua nhiều thế hệ. Và, có những câu hỏi đến nay vẫn chưa tìm ra lời giải đáp thỏa đáng!

Nguồn gốc pho tượng cổ

Tượng làm bằng trầm tích thạch màu xanh đen, chất liệu tạc tượng không phải loại đá có ở địa phương và thậm chí cả Nam bộ, điều đó nghĩa là có thể bức tượng được mang từ nơi khác đến. Tượng tạc một người dáng thấp, mập mạp, bụng lớn, ở trần, đóng khố, ngồi với tư thế khoan thai, chân trái xếp bằng vào trong, chân phải gập đứng gối, tay phải đặt lên đầu gối, tay trái chỏi ra sau. Nhìn chung, nghệ thuật chế tác còn thô sơ, thiếu tinh tế, điều nầy cho thấy bức tượng được tạc từ rất xa xưa, khi kỹ thuật điêu khắc của con người phát triển chưa cao. [Nguyễn Hữu Hiệp, 2007]

Thật ra, pho tượng ban đầu vốn là *tượng nam thần* trong văn hóa Ấn Độ, tuy nhiên lại mang những chi tiết như: mái tóc xoăn dợn sóng quấn thành búp, gương mặt thanh tú, sống mũi cao, khuôn ngực đầy đặn... dễ khiến người Việt hiểu lầm nữ thần. Đồng thời, *"tâm thức mẫu"* vốn có sẵn trong văn hóa Việt (và các cư dân nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á cổ) từ ngàn đời. Hai nguyên nhân đó dẫn đến khi tiếp nhận và thờ phượng pho tượng, người dân xem đây là tượng bà, tôn là *Bà Chúa xứ*. Đến khoảng thập niên 1940, Ban Quý tế của miếu đã mướn thợ tô điểm khuôn mặt bức tượng cho thật giống người phụ nữ phúc hậu, sơn màu da, kẻ mắt và gắn pha lê vào mắt sống động [Liêm Châu, 1999]. Phần chế tác sau nầy làm bằng chất liệu khác với loại đá nguyên thủy của thân tượng.

Xác định ban đầu là tượng nam thần trong văn hóa Ấn Độ, nhưng đó là vị thần nào? Nhiều ý kiến cho rằng đó là tượng thần Vishnu, trong đó có nhà khảo cổ Pháp Louis Malleret - người đầu tiên nghiên cứu về bức tượng [Trịnh Bửu Hoài, 2008]. Tuy nhiên, chúng tôi lại cho rằng vị thần đó không phải Vishnu mà là Shiva. Bằng chứng là hiện nay trên núi Sam còn bệ đá tương truyền là nơi đặt tượng ngày xưa. Bệ đá nầy hình vuông dẹp, ở giữa có lỗ vuông. Nếu để ý kỹ ta sẽ nhận ra bệ đá chính là Yoni và pho tượng là một dạng biến thể của Linga. Dưới tượng có trục

vuông, khi đặt tượng bên trên ăn khớp với lỗ vuông của bệ đá, chính là Linga được đặt trên Yoni. Mà Yoni tượng trưng cho thần Vishnu còn Linga tượng trưng cho thần Shiva.

Vấn đề bức tượng có thuộc nền văn hóa Phù Nam (niên đại khoảng thế kỷ I - VII) hay không cũng chỉ là giả thiết và vẫn còn có nhiều tranh luận. Có ý kiến cho rằng tượng ra đời sớm hơn giai đoạn nầy. Chúng ta cũng nên biết, trước thời kỳ Phù Nam lập quốc, vùng đất Nam bộ có tồn tại một nền văn hóa khác gọi là văn hóa Tiền Óc Eo với niên đại khoảng từ 500 năm TCN đến thế kỷ I - II. Cư dân giai đoạn nầy đã đạt đến một trình độ phát triển nhứt định, họ biết làm gốm, luyện kim, trang sức... [Nguyễn Thị Hậu, 2010]. Tuy nhiên, đó chỉ mới là những kết quả thu thập được thông qua khảo cổ, chứ chưa tìm thấy những tư liệu cụ thể và chính xác hơn.

Việc mang pho tượng từ núi Sam xuống

Dân gian truyền khẩu rằng ngày xưa pho tượng nằm trên núi Sam, được dân địa phương tìm thấy và khiêng xuống chân núi lập miếu thờ, sự kiện nầy diễn ra khoảng thập niên 1820. Tuy nhiên, làm sao có thể dem tượng đá nặng hàng tấn từ đỉnh núi xuống đồng bằng trong bối cảnh núi rừng hiểm trở mấy thế kỷ trước? Câu hỏi ấy vẫn còn là một bí ẩn!

Theo truyền thuyết, bà dạp đồng dạy rằng phải có chín cô gái đồng trinh mới có thể khiêng tượng xuống (có tài liệu cho rằng bốn mươi thanh niên lực lưỡng). Quả nhiên khi dân làng làm đúng lời dặn, pho tượng trở nên nhẹ hẳn, khiêng xuống núi dễ dàng. Đến vị trí hiện nay, tượng bỗng dưng nặng trịch, người dân cho rằng ý bà đã muốn ngự nơi đây nên lập miếu thờ. Bệ đá đặt tượng còn nằm trên đỉnh núi Sam ngày nay như một bằng chứng cho giả thuyết khiêng tượng từ trên núi xuống. Bệ đá nầy được tìm thấy vào năm 1980.

Lễ Thỉnh sắc Thoại Ngọc Hầu về miếu Bà. *Ảnh: C.T.V*

Tạm gác giả thuyết về chín cô gái, ta thử đi theo giả thuyết bốn mươi thanh niên lực lưỡng. Dĩ nhiên, dù tượng nặng hàng tấn thì với số lượng ngần ấy người việc di chuyển là điều không khó. Nhưng vấn đề cần lưu ý là, vào thời điểm đó cây rừng rậm rạp, đá nhấp nhô khó đi, địa hình núi lại mỗi chỗ cao thấp lồi lõm khác nhau, không có đường tương đối bằng phẳng... Làm sao có thể khiêng một tượng đá quá nặng nề như thế? Chỉ vấn đề rừng cây cũng là câu hỏi nan giải, núi ngày xưa hầu như không đất trống mà được bao phủ bởi rừng rậm, cây mọc um tùm, đan cài vào nhau, làm sao bức tượng to lớn có thể lọt qua những khoảng cách nhỏ giữa các hàng cây?

Thậm chí, chi tiết phát hiện bệ tượng vào năm 1980 cũng khiến chúng ta đặt ra nghi vấn. Tại sao phải đến gần hai thế kỷ sau khi tìm được bức tượng thì người ta mới tìm thấy bệ tượng? Tại sao bệ tượng lại nằm ở một vị trí cao điểm nhấp nhô, lổm chổm trên đỉnh núi? Chỏm cao đó ngày nay đã bị xây kín lại bằng xi măng, bệ tượng cũng được gắn chặt vào nền gạch bằng xi măng, nên chúng ta không thể biết bên dưới bệ tượng là gì (tảng đá hay gò đất) - không thể khảo sát gì sâu hơn!

Chúng tôi thử nêu một cách giải thích e có phần táo bạo: Phải chăng bức tượng không phải được mang từ núi Sam xuống mà mang từ nơi khác đến và đặt ở chính vị trí hiện nay, sau nầy người ta mới mang bệ tượng đặt trên núi Sam để hợp thức hóa truyền thuyết? Mặc dù tượng có niên đại xa xưa, nhưng đến thập niên 1820 mới xuất hiện ở núi Sam, giai đoạn nầy Thoại Ngọc Hầu đang làm Tổng trấn Vĩnh Thanh, đóng tại đồn Châu Đốc, chỉ có ông với lực lượng của mình mới đủ khả năng mang bức tượng từ nơi khác đến, cũng chỉ có ông với quyền lực của mình mới có đủ khả năng *"huyền thoại hóa"* pho tượng.

Pho tượng được phát hiện ở đâu và nếu có di chuyển thì bằng phương thức nào, đến nay vẫn là ẩn số! Đây là vấn đề phức tạp, chúng tôi chưa dám khẳng định ý kiến của mình, chỉ xin nêu ra một gợi mở, hy vọng câu hỏi đó sẽ sớm được làm sáng tỏ.

Ngôi miếu đa văn hóa

Đi khai phá Đồng bằng Cửu Long, người Việt không chỉ mang theo kho tàng văn hóa hàng ngàn năm từ miền Bắc - miền Trung trên đường Nam tiến, mà còn tiếp thu những nét đẹp văn hóa của các tộc người phương Nam. Không bỏ đi hoàn toàn văn hóa của mình, cũng không tiếp nhận hoàn toàn văn hóa

của bạn, mà xử lý một cách bản lĩnh, chọn lọc và dung hòa. Từ đó, tạo thành một vùng văn hóa riêng biệt, không hoàn toàn giống với đất tổ, thấp thoáng đâu đó ta lại thấy có vài nét chấm phá từ văn hóa Chăm, Khmer hay Hoa.

Miếu Bà Chúa xứ núi Sam là một bức tranh văn hóa sinh động với nhiều gam màu, bởi nơi ấy đã tập hợp một hệ thống đa dạng nhiều yếu tố văn hóa. Chúng ta hãy thử quan sát. Trước hết từ Ấn giáo, người Việt đã làm một động thái kết hợp đạo Mẫu bản địa thông qua việc điểm xuyến khuôn mặt phái nữ cho tượng đá. Tuy nhiên, bà mặc áo thêu rồng phượng lộng lẫy, đầu đội mão kim sa, kiểu cách ít giống thờ Mẫu ở miền Bắc (Tứ Pháp, Tam Phủ, Tứ Phủ...) mà lại dễ khiến ta liên tưởng đến bà Thiên Hậu trong tín ngưỡng người Hoa hơn.

Về danh xưng, Bà Chúa xứ vốn bắt nguồn từ Poh Yang Inư Nagar (Thần Mẹ xứ sở) trong văn hóa Chăm [Lý Tùng Hiếu, 2016] mà người Việt tiếp nhận và biến đổi thành Thiên Y Ana qua lớp áo truyền thuyết do mình dựng lên. Vào Nam, vị thần nầy lại biến thành Bà Chúa xứ (gọi hoa mỹ là Chúa xứ Thánh mẫu) được thờ nhiều nơi ở Nam bộ chứ không riêng gì núi Sam, mỗi làng hoặc miệt có thể có Bà Chúa xứ riêng. Poh Yang Inư Nagar của người Chăm tiếp biến vào văn hóa Việt không chỉ dưới danh xưng Thiên Y Ana, Bà Chúa xứ, mà còn nhiều cách gọi khác như: Bà Chúa Tiên, Bà Chúa Ngọc, Thượng Động Cố Hỷ...

Tiếp theo, sự tích hợp văn hóa còn thể hiện qua bài trí thờ phượng. Bàn thờ Cô và Cậu biểu trưng Yoni và Linga trong Ấn giáo. Bàn thờ Hội đồng, Tiền hiền, Hậu hiền... mang phong cách đình làng người Việt ở Nam bộ. Ngoài sân lại có miếu thờ ba cục đá là ông Tà trong tín ngưỡng Khmer. Có thể thấy, cả Ấn giáo, đạo Mẫu, đình làng Nam bộ, lẫn tín ngưỡng tộc người Chăm, Hoa, Khmer... tập trung trong một ngôi miếu! Hiếm có ngôi miếu nào giao lưu tiếp biến văn hóa một cách mạnh mẽ và phức tạp như thế - một ngôi miếu *"đa văn hóa"*!

Ngoại thất ngôi miếu mang tính thẩm mỹ cao với tổng thể ngôi miếu có dạng chữ *"quốc"* hình khối tháp. Nóc là cổ lầu nhiều cấp mô phỏng hình ảnh hoa sen nở, lợp ngói ống tráng men màu xanh ngọc. Chánh điện cao rộng, thoáng sáng, trang trí hài hòa, đa dạng về phong cách nghệ thuật. Ban đầu miếu chỉ được cất đơn sơ, đến năm 1870 được xây dựng lại bằng hồ 6 dước, sau đó trải qua nhiều lần trùng tu. Năm 1972, miếu được xây mới đồ sộ, nguy nga, với dáng vẻ như hiện nay. Sau chánh điện là nơi làm việc của Ban Quản trị, hai bên có Đông lang và Tây lang. Nhà trưng bày được xây dựng theo hình chữ *"công"*, kiểu cách giống chánh điện, bên trong lưu giữ hàng ngàn hiện vật của khách thập phương dâng cúng, đa phần là những tác phẩm nghệ thuật có giá trị.

Hằng năm, lễ hội Vía Bà Chúa xứ núi Sam theo nghi thức truyền thống bắt đầu bằng lễ Tắm bà vào ngày 23 tháng 4 âm lịch, kết thúc bằng lễ Chánh tế và Hồi sắc vào ngày 27. Phần nghi lễ vẫn thể hiện sự dung hợp văn hóa rõ rệt. Là tín ngưỡng thờ Mẫu, nhưng nghi lễ ở miếu Bà núi Sam không giống nghi lễ đạo Mẫu ở Bắc hay Trung Bộ, cũng không giống nghi lễ cúng Thiên hậu của người Hoa Nam Bộ, mà mô phỏng gần như hoàn toàn nghi lễ của đình làng Nam Bộ. Cũng có Thỉnh sắc thần, Túc yết, Xây chầu, Đại bội, Chánh tế, Hồi sắc... Tuy nhiên, nghi thức khởi đầu cho lễ vía là nghi thức Mộc dục, tức tắm tượng bà bằng nước thơm, liệu có liên quan gì đến nghi thức tắm Linga với các loại nước quý trong nghi lễ của người Chăm?

Thay lời kết

Giá trị là tính chất quan trọng nhất để xác định văn hóa. Nhưng không chỉ giá trị đối với cá nhân, mà là giá trị đối với cộng đồng, được cộng đồng khẳng nhận, đồng thời phải phù hợp với không gian - thời gian văn hóa. Nói cách khác, cộng đồng khước từ yếu tố phi giá trị trong hệ thống văn hóa của mình. Lưu dân người Việt buổi đầu khai phá Nam Bộ sẽ không hỗn dung văn hóa trong thờ phượng và nghi lễ nếu nó không mang giá trị đối với họ, nhất là trong khung cảnh Nam Bộ thời điểm đó.

Trước vùng đất dữ, họ đã ứng xử khéo léo đúng như ông bà xưa đã dạy *"có thờ có thiêng, có kiêng có lành"*. Dẫu những vị thần của các tộc người lân cận mà người Việt chưa rõ lai lịch, nhưng họ vẫn tiếp nhận với ước mong *"bách thần"* gia hộ bình an trên bước đường *"khai hoang trảm thảo"*. Đó là bản lĩnh văn hóa linh hoạt của một cộng đồng dân cư trong ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội một cách hài hòa nhất có thể.

Và đến ngày nay, phải chăng nhờ những sự giao thoa văn hóa đó mà ngôi miếu và lễ hội Bà Chúa xứ núi Sam đã thu hút nhiều người đến từ các cộng đồng khác nhau? Vô tình người Việt đã làm một sợi dây hữu nghị kết nối các nền văn hóa, cho cùng gặp nhau tại một ngôi miếu ở chốn biên thùy. Bước vào miếu, dù họ thuộc cộng đồng nào vẫn tìm sẽ thấy một phần trong đời sống tâm linh của cộng đồng mình.

H.L

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Liêm Châu (1999), *Kỳ tích núi Sam*, Hội VHNT Châu Đốc.
2. Nguyễn Thị Hậu và Lê Thanh Hải (2010), *Khảo cổ học bình dân Nam bộ - Việt Nam - từ thực nghiệm đến lý thuyết*, NXB Tổng hợp TP.HCM.
3. Nguyễn Hữu Hiệp (2007), *An Giang đôi nét văn hóa đặc trưng vùng bán sơn địa*, Nxb Phương Đông.
4. Lý Tùng Hiếu (2016), *Các vùng văn hóa Việt Nam*, giáo trình ĐH Văn hóa TP.HCM.
5. Trịnh Bửu Hoài (2008), *Lịch sử xây dựng và phát triển Miếu Bà Chúa xứ núi Sam*, Nxb Phương Đông.